

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ**  
*(Kèm theo Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)*

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

| ST<br>T | Mã số<br>TTHC                        | Tên thủ tục<br>hành chính                       | Thời gian<br>giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                   | Địa điểm, cách thức<br>thực hiện                                                                                                                                                                                                                                        | Phí, lệ phí                                                                                                                            | Ghi chú                                                                                                                                                                                                              |
|---------|--------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I       | <b>Lĩnh vực Dân số; Bà mẹ Trẻ em</b> |                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                      |
| 1       | 1.014527                             | Đề nghị mang<br>thai hộ vì mục<br>đích nhân đạo | 10 ngày làm việc kể<br>từ ngày được Cơ sở<br>khám bệnh, chữa<br>bệnh được phép thực<br>hiện kỹ thuật mang<br>thai hộ vì mục đích<br>nhân đạo xác nhận<br>người mang thai hộ<br>và cặp vợ chồng nhờ<br>mang thai hộ đáp ứng<br>đủ điều kiện sức khỏe<br>để thực hiện việc<br>mang thai hộ. | Nộp trực tiếp tại Cơ sở<br>khám bệnh, chữa bệnh<br>được phép thực hiện kỹ<br>thuật mang thai hộ vì mục<br>đích nhân đạo hoặc gửi hồ<br>sơ qua đường bưu điện<br>đến Cơ sở khám bệnh,<br>chữa bệnh được phép thực<br>hiện kỹ thuật mang thai hộ<br>vì mục đích nhân đạo. | Theo quy<br>định của cơ<br>sở khám<br>bệnh, chữa<br>bệnh được<br>phép thực<br>hiện kỹ thuật<br>mang thai hộ<br>vì mục đích<br>nhân đạo | - Nghị định số<br>207/2015/NĐ-CP<br>ngày 15/7/2025 của<br>Chính phủ;<br>- Nghị định số<br>123/2015/NĐ-CP<br>ngày 15/11/2015<br>của Chính phủ;<br>- Nghị định số<br>63/2024/NĐ-CP<br>ngày 10/6/2024 của<br>Chính phủ. |

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

| <b>ST T</b> | <b>Mã số TTHC</b>                    | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                       | <b>Thời gian giải quyết</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>Địa điểm, cách thức thực hiện</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>Tên VBQPPL sửa đổi, bổ sung</b>                                                                                                                         | <b>Ghi chú</b>                                |
|-------------|--------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| <b>I</b>    | <b>Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh</b> |                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                            |                                               |
| 1           | 1.012280                             | Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh | Trường hợp không phải thẩm định thực tế tại cơ sở: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;<br>Trường hợp phải thẩm định thực tế tại cơ sở: Tổ chức thẩm định điều kiện hoạt động và danh mục kỹ thuật thực hiện tại cơ sở đề nghị và lập biên bản thẩm định trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định hoặc nhận được văn bản thông báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc khắc phục, sửa chữa của cơ sở đề nghị. | Nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi, địa chỉ số 54 đường Hùng Vương, phường Cẩm Thành; điểm tiếp nhận hồ sơ thứ 02 tại phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi thông qua các cách thức sau:<br>- Trực tiếp.<br>- Qua dịch vụ bưu chính.<br>- Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.gov.vn">dichvucong.gov.vn</a> . | Nghị định số 207/2025/NĐ-CP ngày 15/7/2025 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo | sửa đổi bổ sung điều kiện và thành phần hồ sơ |

**C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ**

| <b>TT</b> | <b>Mã TTHC</b>                       | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                          | <b>Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC</b>                                                                                                                |
|-----------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Lĩnh vực Dân số, Bà mẹ Trẻ em</b> |                                                                                        |                                                                                                                                                            |
| 1         | 1.003.448                            | Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm | Nghị định số 207/2025/NĐ-CP ngày 15/7/2025 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo |
| 2         | 1.008681                             | Đề nghị thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm                                   |                                                                                                                                                            |
| 3         | 1.008685                             | Đề nghị mang thai hộ vì mục đích nhân đạo                                              |                                                                                                                                                            |

**Tổng cộng: 05 thủ tục hành chính** (trong đó: 01 TTHC mới ban hành; 01 TTHC được sửa đổi; 03 bị TTHC bãi bỏ).

---